

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện năm 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Báo cáo số 32/BC-SNV ngày 12/3/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính của các Sở, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện năm 2019 (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ Chỉ số cải cách hành chính năm 2019, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố tổ chức quán triệt, rút kinh nghiệm, có giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính ở những năm tiếp theo.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NC.

Bản điện tử:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; các Phòng, TT; TKCT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thu Hà

PHỤ LỤC

XẾP HẠNG VÀ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2019

(Kèm theo quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020

của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

1. Kết quả Par Index cấp Sở

Xếp hạng năm 2019	Các Sở, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Điểm đánh giá	Điểm qua điều tra XHH	Tổng điểm	Tỷ lệ %
1	Sở Thông tin và Truyền thông	60,62	28,62	89,24	89,24
2	Sở Giao thông vận tải	57,26	28,78	86,04	86,04
3	Sở Tư pháp	55,77	28,74	84,51	84,51
4	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	54,92	29,52	84,44	84,44
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	53,87	30,25	84,12	84,12
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	56,71	27,32	84,03	84,03
7	Sở Tài chính	54,58	28,96	83,54	83,54
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	54,39	29,15	83,54	83,54
9	Sở Công Thương	53,56	29,20	82,76	82,76
10	Văn phòng UBND tỉnh	43,68	29,84	73,52	82,15
11	Sở Khoa học và công nghệ	53,30	28,50	81,80	81,80
12	Sở Nội vụ	51,22	28,93	80,14	80,14
13	Sở Ngoại vụ	50,52	29,23	79,75	79,75

14	Sở Y tế	50,07	27,99	78,06	78,06
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	50,80	27,23	78,03	78,03
16	Ban Quản lý các khu công nghiệp	46,21	30,44	76,65	76,65
17	Ban Dân tộc	47,74	16,01	63,75	73,28
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	44,26	28,22	72,48	72,48
19	Thanh tra tỉnh	45,08	19,38	64,46	71,62
20	Sở Xây dựng	31,97	28,62	60,58	60,58

2. Kết quả Par Index UBND cấp huyện

Xếp hạng năm 2019	UBND các huyện, thành phố	Điểm đánh giá	Điểm qua điều tra XHH	Tổng điểm	Tỷ lệ %
1	Huyện Việt Yên	58,38	25,57	83,95	83,95
2	TP Bắc Giang	56,99	25,70	82,69	82,69
3	Huyện Tân Yên	57,14	25,22	82,36	82,36
4	Huyện Hiệp Hòa	55,50	24,94	80,45	80,45
5	Huyện Lạng Giang	55,26	23,89	79,15	79,15
6	Huyện Yên Thế	53,26	25,08	78,34	78,34
7	Huyện Lục Nam	52,29	25,24	77,54	77,54
8	Huyện Sơn Động	50,70	24,94	75,64	75,64
9	Huyện Yên Dũng	50,65	24,80	75,45	75,45
10	Huyện Lục Ngạn	44,70	23,17	67,87	67,87